

Số: **146** /BNN-TC

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2014

V/v Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm 2013 và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2013

Kính gửi: - Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp
- Các Tổng cục: Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thủy sản
- Các Dự án và Ban quản lý Dự án thuộc Bộ

Căn cứ Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và các quy định về lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết một số nội dung chính về công tác xử lý ngân sách cuối năm 2013 và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2013 như sau:

I. CÔNG TÁC XỬ LÝ NGÂN SÁCH CUỐI NĂM 2013

1. Về số dư dự toán

Đối với dự toán giao cho đơn vị đến hết ngày 31/12/2013 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết, được gọi là số dư dự toán sẽ được xử lý như sau:

a) Trường hợp số dư dự toán thuộc diện đương nhiên được chuyển:

- Các nội dung, nhiệm vụ chi quy định tại Tiết b Điểm 3 Phần I Thông tư 108/2008/TT-BTC, đơn vị không phải báo cáo Bộ xét chuyển.

- Đơn vị đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) nơi giao dịch và đề nghị KBNN xác nhận để thực hiện chuyển số dư theo **biểu số 03/ĐVDT tại thời điểm 31/12/2013** ban hành kèm theo Thông tư 108/2008/TT-BTC.

b) Trường hợp số dư dự toán thuộc diện cần xét chuyển:

- Các nội dung, nhiệm vụ chi quy định tại Tiết a Điểm 3 Phần I Thông tư 108/2008/TT-BTC phải xem xét cho chuyển bao gồm:

Các nhiệm vụ chi được bổ sung vào quý IV; các nhiệm vụ chi khắc phục dịch bệnh, hoả hoạn, thiên tai; vốn đối ứng các dự án ODA, viện trợ không hoàn lại; Vốn đầu tư của các dự án đầu tư XDCB (*Dự án phải có các điều kiện sau: Các dự án được bố trí để mua sắm thiết bị nhập khẩu, đã đấu thầu, ký hợp đồng, mở L/C, đặt cọc, hoặc thanh toán một phần tiền theo hợp đồng nhưng hàng không về kịp để thanh toán đúng thời gian qui định; Các dự án được bố trí đủ vốn theo quyết định đầu tư đã phê duyệt để hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng dự toán năm tiếp theo không bố trí vốn; Các dự án bố trí vốn đền bù, giải phóng mặt bằng mà phương án đền bù, giải phóng mặt bằng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*); các trường hợp cần thiết khác.

- Đơn vị đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) nơi giao dịch và đề nghị KBNN xác nhận sử dụng số dư theo biểu số 02/ĐVDT tại thời điểm 31/12/2013 ban hành kèm theo Thông tư 108/2008/TT-BTC.

2. Về số dư tạm ứng

Sau thời gian chỉnh lý quyết toán (sau 31/01/2014), số tạm ứng chưa được thanh toán còn lại (gọi là số dư tạm ứng) được xử lý như sau:

a) Trường hợp số tạm ứng thuộc diện đương nhiên được chuyển:

- Các nội dung, nhiệm vụ chỉ quy định tại Tiết b Điểm 3 Phần I Thông tư 108/2008/TT-BTC và tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo chế độ qui định chưa thu hồi, đơn vị không phải báo cáo Bộ xét chuyển.

- Đơn vị đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) nơi giao dịch và đề nghị KBNN xác nhận để thực hiện chuyển số dư theo **biểu số 03/ĐVDT tại thời điểm 31/01/2014** ban hành kèm theo Thông tư 108/2008/TT-BTC.

b) Trường hợp số tạm ứng thuộc diện xét chuyển gồm:

- Các nội dung, nhiệm vụ chỉ không đủ chứng từ thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán của các trường hợp không được phép chuyển sang năm sau theo chế độ quy định thì không được thanh toán tiếp; trừ thuộc diện được xét chuyển quy định tại Tiết a Điểm 3 Mục I Thông tư 108/2008/TT-BTC

- Đơn vị đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) nơi giao dịch và đề nghị KBNN xác nhận sử dụng số dư theo **biểu số 02/ĐVDT tại thời điểm 31/01/2014** ban hành kèm theo Thông tư 108/2008/TT-BTC.

3. Báo cáo Bộ về số dư

- Đơn vị sử dụng ngân sách có Công văn đề nghị chuyển số dư sang năm 2014, nêu cụ thể:

- + Số tiền đề nghị chuyển sang năm 2014 (Dư dự toán, Dư tạm ứng)

- + Thuyết minh rõ nguyên nhân các nhiệm vụ chưa thực hiện hết nội dung trong năm 2013 và lý do đề nghị xét chuyển.

- Tài liệu liên quan kèm theo văn bản đề nghị nói trên bao gồm (bắt buộc): Các xác nhận số dư của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (**Bản chính biểu số 02/ĐVDT và biểu số 03/ĐVDT** như hướng dẫn tại mục trên), riêng đơn vị dự toán cấp II ngoài các tài liệu trên phải gửi kèm Bảng tổng hợp số dư dự toán của từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

- Tài liệu liên quan gửi kèm bổ sung (nếu có):

- + Đối với nhiệm vụ Điều tra, qui hoạch, chương trình giống: Có ý kiến chấp thuận của Vụ Kế hoạch về nội dung dở dang cần thực hiện tiếp trong năm 2014. Riêng chương trình giống thủy sản có ý kiến của Tổng cục Thủy sản; giống lâm nghiệp có ý kiến của Tổng cục Lâm nghiệp.

- + Đối với nhiệm vụ Môi trường và Khuyến nông, khuyến ngư: Có ý kiến chấp thuận của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường về nội dung dở dang cần thực hiện tiếp trong năm 2014.

- + Các nhiệm vụ KHCN được chấp thuận gia hạn (có văn bản của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) được xử lý như nhiệm vụ tiếp tục và thủ tục chuyển số dư như hướng dẫn tại Mục 1, Tiết a và Mục 2, Tiết a, Phần này.

- + Đối với nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu: Có ý kiến chấp thuận của các đơn vị được giao đầu mối về nội dung dở dang cần thực hiện tiếp trong năm 2014, cụ thể: Vụ Tổ chức cán Bộ (CTMT về đào tạo, dạy nghề); Vụ Khoa học công nghệ (CTMT biến đổi khí hậu); Tổng cục Thủy lợi (CTMT

nước sạch); Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản (CTMT ATVSTP); Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (CTMT nông thôn mới, giảm nghèo, 135, ma túy); Trung tâm y tế (CTMT về các bệnh xã hội)

- Các tài liệu trên gửi về Bộ (Vụ Tài chính) **trước ngày 10/2/2014**.

II. CÔNG TÁC LẬP VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thực hiện việc lập, gửi báo cáo quyết toán theo quy định tại Quyết định số 3833/QĐ-BNN-TC ngày 3/12/2008; Quyết định số 2161/QĐ-BNN-TC ngày 07/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 3833/QĐ-BNN-TC ngày 03/12/2008 và Quyết định số 747/QĐ-BNN-TC ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm đối với nguồn chi thường xuyên và lập, thẩm định báo cáo quyết toán đối với nguồn đầu tư xây dựng cơ bản và các văn bản hướng dẫn quyết toán các nguồn kinh phí của Bộ.

Các đơn vị thực hiện *Dự án khuyến nông, các Đề tài/Dự án khoa học công nghệ, Chương trình MTQG*, đề nghị lập bổ sung các biểu mẫu theo Phụ lục đăng tải trên trang Web: <http://vutaichinhbnn.gov.vn> (tương tự hướng dẫn tại công văn số 262/BNN-TC ngày 02/02/2012 của Bộ về quyết toán NSNN năm 2011).

Riêng 03 Tổng cục: Thủy lợi, Thủy sản, Lâm nghiệp chịu trách nhiệm, chủ trì trong việc xét duyệt quyết toán các đơn vị dự toán trực thuộc và tổng hợp báo cáo Bộ xem xét thẩm định.

III. KIỂM KÊ QUỸ TIỀN MẶT VÀ TÀI SẢN CUỐI NĂM

1. Kiểm kê Quỹ tiền mặt

Thực hiện công tác hạch toán, kiểm tra, đối chiếu quỹ tiền mặt cuối năm tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện đối chiếu, kiểm kê quỹ tiền mặt theo đúng qui định. Thời hạn kiểm kê quỹ tiền mặt là ngày **31/12/2013**, Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt theo đúng mẫu biểu số C34-HD và số C35-HD ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC.

2. Kiểm kê tài sản

Thực hiện công tác theo dõi, đánh giá và hạch toán kế toán về tài sản Nhà nước được qui định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đảm bảo công tác báo cáo tình hình sử dụng tài sản nhà nước được qui định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo và thành lập Hội đồng (Lưu ý: *Kế toán trưởng, Phụ trách kế toán đơn vị chỉ là thành viên Hội đồng kiểm kê, không kiêm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng*) thực hiện kiểm kê tài sản Nhà nước theo đúng qui định. Thời điểm thực hiện

kiểm kê là ngày **31/12/2013**, Biên bản kiểm kê theo mẫu biểu số **C53-HD** ban hành kèm theo Quyết định số **19/2006/QĐ-BTC**.

Đối với báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2013, yêu cầu đơn vị báo cáo về Bộ (Vụ Tài chính) trước ngày **15/3/2014**, lưu ý danh mục tài sản báo cáo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số **52/2006/NĐ-CP** (bao gồm: *Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc; Xe ô tô các loại; Tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/1 đơn vị tài sản*). Mẫu biểu báo cáo theo đúng mẫu số **02C-ĐK/TSNN** kèm theo Thông tư số **245/2009/TT-BTC** ngày **31/12/2009** của Bộ Tài chính.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện đúng qui định, đúng thời hạn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (b/c)
- Các đ/c Thứ trưởng (b/c);
- Các Vụ: KHCN và MT;
- TCCB; Kế hoạch;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu: VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**



Phạm Văn Hưng

09472247